

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 003803

Trang : 1/3

Môn học: **Nói 2 (224317) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-38**

Đ: 45
H: 1

Số SV có mặt: 16

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121130047	PHAN NỮ QUỲNH ANH	08/06/1990	CCQ2124F							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122240031	LÊ THỊ THÙY DUNG	01/10/2001	CCQ2224A				9.1	72	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121110047	DƯƠNG NGUYỄN ANH DŨNG	22/09/2003	CCQ2124F				9.0	86	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119240202	PHẠM THỊ HỒNG DUYÊN	10/06/2001	CCQ1924H				8.8	77	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122240042	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	20/01/2004	CCQ2224B				8.5	43	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122240004	NGUYỄN TẤN ĐẠT	27/08/2000	CCQ2224A				9.3	84	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122240007	HỒ THỊ GIANG	25/12/1999	CCQ2224A				8.9	69	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122240055	VÕ THỊ THU HÀ	23/01/2004	CCQ2224B				7.8	66	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122240017	TRẦN NGỌC HÂN	04/03/2004	CCQ2224A				8.5	74	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122240038	KIM THỊ BÉ HIỀN	01/12/2002	CCQ2224B				7.8	44	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122240028	HỒ THỊ KIM HOA	08/05/2004	CCQ2224A				8.7	77	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122240052	LÊ CÔNG HUY	26/06/1999	CCQ2224B				9.0	81	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122240160	TÔ MINH HUY	29/10/2004	CCQ2224B				8.0	44	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122240207	TRIỆU NHẬT HUY	06/12/2002	CCQ2224B				8.0	50	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122240048	TRẦN KHÁNH HƯNG	02/02/2004	CCQ2224B				8.3	70	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122240001	HUỲNH ĐỨC KHANG	01/07/1997	CCQ2224A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122110093	CHÂU ĐĂNG KHOA	13/08/2004	CCQ2224B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122240040	NGUYỄN ANH KIẾT	12/01/2004	CCQ2224B				9.0	73	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122240097	NGÔ THỊ THÙY LINH	28/05/2003	CCQ2224D							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122240027	NGUYỄN TRẦN KIM LINH	02/09/2004	CCQ2224A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 003803

Trang : 2/3

Môn học: **Nội 2 (224317) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-38**

Số SV có mặt: **46**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122240011	TRẦN THỊ LUYẾN	25/08/2004	CCQ2224A				9.0	68	7.7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122240021	ĐƯỜNG THỨC LY	11/12/2004	CCQ2224A				8.8	61	7.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122240032	VŨ THỊ NGỌC MAI	01/01/2004	CCQ2224A				9.1	66	7.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122240006	LÊ DIỆP QUỐC MẠNH	16/10/2003	CCQ2224A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122240010	LÊ THỊ XUÂN NGÂN	20/10/2004	CCQ2224A				8.8	60	7.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122240020	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	20/11/2004	CCQ2224A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122240050	LÊ UYÊN NHI	06/07/2003	CCQ2224B				8.6	41	5.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
28	2122240025	MAI NGỌC Ý NHI	19/01/2004	CCQ2224A				9.0	56	7.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122240062	ÔNG THỊ THIÊN NHI	04/10/2004	CCQ2224B				8.2	52	6.4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2122240022	PHẠM THỊ YẾN NHI	08/08/2004	CCQ2224A				8.0	38	5.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122240024	NGUYỄN TÚ NHƯ	20/01/2004	CCQ2224A				8.7	47	6.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2122240156	ĐỖ ANH QUỐC	16/10/2002	CCQ2224B				9.0	68	7.7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2122240058	NGÔ NGUYỄN THANH QUYÊN	29/05/2004	CCQ2224B				8.2	42	5.8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2122240060	VŨ THỊ TRÚC QUỲNH	27/10/2004	CCQ2224B				8.4	29	5.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2122240026	LÊ HỒNG ANH SANG	15/09/2004	CCQ2224A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2122240009	ĐỖ THỊ THẢO	09/03/2000	CCQ2224A				7.6	38	5.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2122240053	NGUYỄN PHẠM THANH THẢO	28/10/2004	CCQ2224B				8.0	44	5.8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2122240023	NGUYỄN TRẦN NGỌC THẢO	22/12/2004	CCQ2224A				8.4	84	8.4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2121240074	BIỆN THỊ HOÀI THU	29/12/2003	CCQ2124C				8.4	40	5.8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2122240039	CHU THỊ THÚY	16/11/1998	CCQ2224B				8.7	27	8.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Nói 2 (224317) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-38**

Mã nhận dạng: **003803**

Trang : 3/3

Số SV có mặt: **46**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122240016	NGUYỄN THANH THƯ	10/12/2004	CCQ2224A				8.7	85	8.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	2122240155	NGUYỄN THỊ HOÀI	10/08/2002	CCQ2224B				8.0	21	4.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	2122240008	LÊ THỊ HỒNG	26/04/2001	CCQ2224A				9.1	89	9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	2122240013	ĐÀNG THỊ MỸ KIM	23/04/2001	CCQ2224A				8.7	55	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
45	2122240015	BÙI THỊ KIM	16/03/2004	CCQ2224A				9.1	88	8.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
46	2122240035	HỒ THỊ HUYỀN	24/10/2004	CCQ2224B				8.8	53	6.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	2122240059	HUỖNH NGUYỄN BẢO	19/06/2004	CCQ2224B				8.4	51	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
48	2122240205	LÂM ĐOÀN QUỐC	07/05/2004	CCQ2224B				8.6	83	8.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	2122240014	NGUYỄN THANH MINH	23/12/2001	CCQ2224A							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
50	2122240212	HỒ THỊ PHƯƠNG	13/06/2004	CCQ2224B				9.2	85	8.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
51	2122240054	NGUYỄN TRẦN THẢO	02/12/2004	CCQ2224B				8.2	63	7.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
52	2122240158	NGUYỄN THUỶ	27/10/2004	CCQ2224B				8.2	68	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
53	2122240047	NGUYỄN THỊ	04/08/2003	CCQ2224B				8.7	72	7.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
54	2122240033	TRẦN THỊ DIỄM	20/06/2004	CCQ2224A				8.0	38	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
55	2122240037	VÕ TƯỜNG	31/01/2004	CCQ2224B				8.8	80	8.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLDT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Nói 2 (224317) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Ngày thi: **30/06/2023**

Phòng thi: **D7-39**

Tổ: **001**

Giờ: **12:30**

Đ: 46
H: 0

Số SV có mặt: **46**

Số bài thi: **1**

Số tờ giấy thi: **1**

Mã nhận dạng: **003804**

Trang : 1/3

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122240171	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	07/11/2003	CCQ2224F				84	87	86		
2	2122240163	TRẦN BÙI VIỆT ANH	23/01/2004	CCQ2224E				66	60	62		
3	2122240139	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	30/01/2004	CCQ2224E				75	62	67		
-4	2122240170	NGUYỄN KIM BẢO	22/11/2004	CCQ2224F				15				
5	2122240166	TRẦN QUANG BÌNH	30/04/2003	CCQ2224E				63	67	65		
6	2122240193	DƯƠNG THỊ BẢO CHÂN	26/12/2004	CCQ2224F				81	55	65		
7	2122240181	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	05/01/2004	CCQ2224F				88	51	66		
8	2122240143	HOÀNG THỊ THU ĐÀO	22/02/2002	CCQ2224E				67	67	67		
9	2121200094	LÊ NGUYỄN ANH ĐÀO	23/11/2002	CCQ2124F				00				
10	2121200093	LÊ NGUYỄN HỒNG ĐÀO	16/06/2001	CCQ2124F				00				
11	2122240184	LÊ THỊ MỸ ĐÀO	18/10/2004	CCQ2224F				69	47	56		
12	2122240175	LÃ THỊ THU HÀ	19/01/2004	CCQ2224F				77	70	73		
13	2122240141	NGUYỄN THỊ THU HÀ	23/02/2004	CCQ2224E				78	66	71		
14	2122240150	NGUYỄN HOÀNG GIA HÂN	13/11/2004	CCQ2224E				79	74	76		
15	2122240182	THÂN NGỌC HÂN	08/01/2004	CCQ2224F				74	76	75		
16	2122240186	LÊ ĐỖ QUỐC HÙNG	04/04/2004	CCQ2224F				94	83	87		
17	2122240174	HÀ THANH HUYỀN	10/08/2004	CCQ2224F				82	93	89		
18	2122240164	PHẠM GIA KỲ HƯƠNG	27/06/2004	CCQ2224E				67	54	59		
19	2122240146	TRẦN THU HƯƠNG	20/08/2003	CCQ2224E				67	92	82		
20	2122240176	HUỲNH QUỐC KHÁI	02/08/2004	CCQ2224F				88	51	66		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 003804

Trang : 2/3

Môn học: **Nói 2 (224317) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2023**

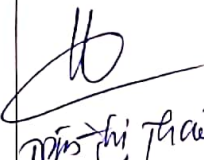
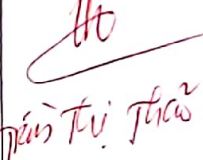
Giờ: **12:30**

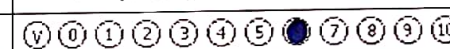
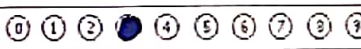
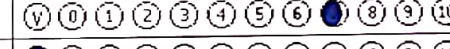
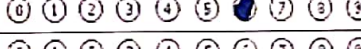
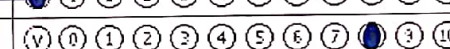
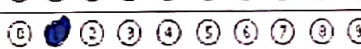
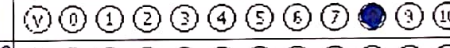
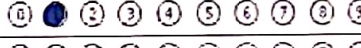
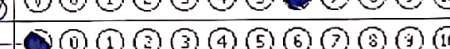
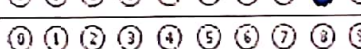
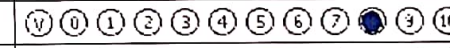
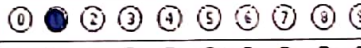
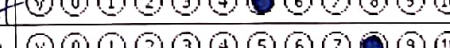
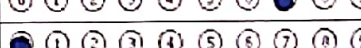
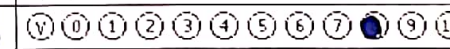
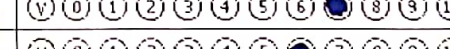
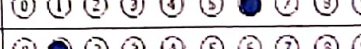
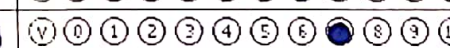
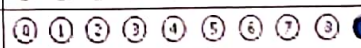
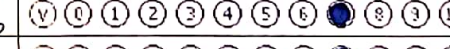
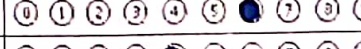
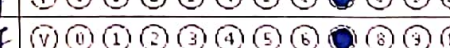
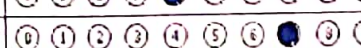
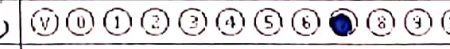
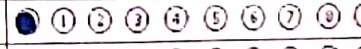
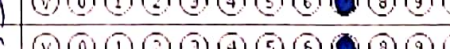
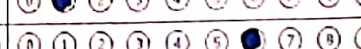
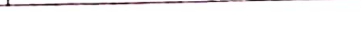
Phòng thi: **D7-39**

Số SV có mặt: **46..**

Số bài thi: **.....**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122240133	LÂM TRUNG KIÊN	17/10/2004	CCQ2224E				68	60	63		
22	2122240165	LÊ DIỄM KIỀU	04/10/2004	CCQ2224E				84	71	76		
23	2122110030	HUỖNH QUANG LÂM	15/08/2004	CCQ2224F				60				
24	2122240183	NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN	29/05/2004	CCQ2224E				87	77	81		
25	2122240189	NGÔ THỊ CẨM LY	20/12/2003	CCQ2224F				85	79	81		
26	2122240200	HUỖNH THỊ TRÚC MY	25/10/2004	CCQ2224E				75	63	68		
27	2122240147	ĐỒNG TÂN MỸ	26/10/2004	CCQ2224E				00				
28	2122240140	VÕ THỊ MỸ NGỌC	13/12/2004	CCQ2224E				82	80	81		
29	2122240137	HOÀNG THỊ THÙY NHI	26/08/2004	CCQ2224E				81	41	57		
30	2122240190	LÊ HOÀNG NHƯ	20/12/2004	CCQ2224F				80	80	80		
31	2122240192	NGUYỄN THỊ MỸ NƯƠNG	11/03/2004	CCQ2224F				84	87	86		
32	2122240194	PHẠM KIM PHƯƠNG	19/09/2004	CCQ2224F				73	78	76		
33	2122240121	TRẦN ĐẶNG MAI PHƯƠNG	11/10/2002	CCQ2224E				80	48	61		
34	2122240167	NGUYỄN LÂM NHƯ QUỲNH	26/09/2004	CCQ2224E				74	83	79		
35	2122240191	NGUYỄN TRẦN NGỌC QUỲNH	27/06/2004	CCQ2224F				71	80	76		
36	2122240179	TRẦN LÊ QUỲNH	10/12/2004	CCQ2224F				79	70	74		
37	2122240197	LÊ THỊ THU SƯƠNG	10/06/2004	CCQ2224E				87	70	77		
38	2122240177	NGUYỄN THỊ LÊ SƯƠNG	26/01/2004	CCQ2224F				71	70	70		
39	2122240148	HOÀNG ĐẶNG THẾ TÂN	01/04/2004	CCQ2224E				69	73	71		
40	2122240185	CAO THỊ THANH THẢO	16/07/2004	CCQ2224F				83	72	76		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 003804

Trang : 3/3

Môn học: **Nói 2 (224317) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-39**

Số SV có mặt: **46...**

Số bài thi: **.....**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1 <i>B</i> <i>Đ.T. Thu</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>H</i> <i>Trần Thị Thu</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>P</i> <i>Đ.T. Thu</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>H</i> <i>Trần Thị Thu</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122240138	HỒ PHƯƠNG THẢO	01/11/2002	CCQ2224E			<i>Thảo</i>	88	76	81	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2122240178	PHẠM LÊ PHƯƠNG THẢO	13/08/2004	CCQ2224F			<i>Phạm Lê Thảo</i>	83	55	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2122240173	HỒ THỊ XUÂN	02/10/2004	CCQ2224F			<i>Xuân</i>	78	78	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2122240128	PHẠM TÂN	25/05/2004	CCQ2224E			<i>Tân</i>	66			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2122240132	TRẦN THỊ HUYỀN	15/04/2004	CCQ2224E			<i>Huyền</i>	74	80	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2122110238	NGUYỄN HOÀI TRỌNG	15/05/2004	CCQ2224E			<i>Trọng</i>	72	80	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2122240195	THÁI KIM PHƯƠNG UYÊN	27/10/2004	CCQ2224F			<i>Uyên</i>	84	84	84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2122240187	PHẠM THỊ THÙY VÂN	28/10/2004	CCQ2224F			<i>Thùy Vân</i>	87	76	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2122240080	NGUYỄN PHONG VINH	23/03/2004	CCQ2224F			<i>Vinh</i>	80			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	2122240180	NGUYỄN THỊ NGỌC VY	04/04/2004	CCQ2224F			<i>Vy</i>	73	58	64	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	2122240145	PHẠM YẾN VY	05/10/2003	CCQ2224E			<i>Vy</i>	84	84	84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	2122240196	HOÀNG THỊ YẾN	17/10/2004	CCQ2224F			<i>Yến</i>	77	59	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	2122240120	TRẦN HẢI YẾN	19/12/2004	CCQ2224E			<i>Hải Yến</i>	80	85	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLDT mới được dự thi